TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/DS-ST
Ngày: 15-7-2026
V/v tranh chấp về yêu cầu xác định,
phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Út.

Bà Lý Thị Si Đê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ:*** Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp về yêu cầu phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2026/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Kiếm T, sinh ngày 22/02/1961.

Địa chỉ: Số C L, phường P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị S, sinh ngày 01/01/1952 (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 01/01/1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ (số A, Khu C, ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Hồ Kiếm T trình bày:

Ông Nguyễn Văn P (tên gọi khác: C) là người phải thi hành án cho ông Hồ Kiếm T số tiền vay vốn và lãi phải trả cho ông T là 61.425.000 đồng được tính từ ngày 03/03/2021 theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 292/QĐ-CCTHADS của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn P đã chết ngày 30/10/2024 nên hiện nay Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thông báo cho ông T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ. Yêu cầu Tòa án xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án. Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn P gồm: Bà Trần Thị S, sinh ngày 01/01/1952 (vợ của ông P), chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 01/01/1977 (con của ông P); cùng địa chỉ: Số A ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ (số A, Khu C, ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ cũ).

Về tài sản của ông Nguyễn Văn P gồm có: Quyền sử dụng đất là thửa đất số 506, tờ bản đồ số 12, diện tích 90m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 455364 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2015 cho bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn P.

Ông Hồ Kiếp T2 yêu cầu Tòa án xác định, phân chia, xử lý khối tài sản chung của ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị S là quyền sử dụng đất thửa đất số 506, tờ bản đồ số 12, diện tích 90m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 455364 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2015 cho bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn P đứng tên để thi hành án. Do ông Nguyễn Văn P đã chết nên ông T2 yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trần Thị S và bà Nguyễn Thị Thanh T1 là người thừa kế của ông Nguyễn Văn P phải có trách nhiệm trả cho ông Hồ Kiếm T số tiền gốc và lãi là 61.425.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thi hành án từ ngày 21/03/2021 đến nay trong khối di sản do ông P để lại.

Đối với các bị đơn bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo về việc thụ lý vụ án số: 228/TB-TLVA ngày 12 tháng 11 năm 2025, tống đạt hợp lệ cho các bị đơn bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 nhưng bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án lập biên bản các đương sự từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án. Bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 biết được việc ông Hồ Kiếm T khởi kiện nhưng bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Kiếm T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 vắng mặt không có lý do và Tòa án lập biên bản không

tiến hành hòa giải được nên không có lời khai của bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng các bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Thửa đất số 506, tờ bản đồ số 12, diện tích 90m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp P (ấp P B cũ), xã P, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 455364 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2015 do bà Trần Thị S đứng tên cùng ông Nguyễn Văn P, theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích là 70,8m^2. Ông P chết ngày 30/10/2024. Sau khi ông P chết, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ban hành Thông báo số 352/TB-THADS ngày 05/5/2025, về việc thực hiện chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án và xác định được hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn P gồm có: Bà Trần Thị S (vợ ông P) và chị Nguyễn Thị Thanh T1 (con ông P). Thông báo cho bà S, chị T1 biết về việc thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ thi hành án của ông Nguyễn Văn P để lại trong thời hạn 30 ngày và có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản thừa kế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ và đã tống đạt hợp lệ cho bà S, chị T1 vào ngày 05/5/2025. Tuy nhiên hết thời hạn trên, bà S, chị T1 không tự phân chia di sản thừa kế của ông P và cũng không khởi kiện ra Tòa án để phân chia di sản thừa kế của ông P. Căn cứ vào khoản 2 Điều 54; khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Kiếm T. Đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 506, tờ bản đồ số 12, diện tích 90m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp P (ấp P B cũ), xã P, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 455364 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2015 cho bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn P đứng tên, theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích là 70,8m^2 là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị S, ông P có ½ khối tài sản chung đối với quyền sử dụng đất trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Kiếm T.

Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Hồ Kiếm T yêu cầu Tòa án xác định, phân chia, xử lý khối tài sản chung của ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị S là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 506, tờ bản đồ số 12, diện tích 90m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp P (nay là ấp P), xã P, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 455364 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2015 cho bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn P đứng tên để thi hành án. Do ông Nguyễn Văn P đã chết, ông T yêu cầu Tòa án phân chia khối tài sản thừa kế của ông P cho hàng thừa kế theo pháp luật của ông P nhận là bà S và chị T1; bà S và chị T1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông T mà ông P còn sống phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông T theo quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp yêu cầu xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án theo quy định tại khoản 12 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và đã được Tòa án thông báo cho nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ thụ lý đơn khởi kiện của ông Hồ Kiếm T là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 12 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các bị đơn bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng, không do trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án xác định, phân chia quyền sử dụng đất thửa đất số: 506, tờ bản đồ số 12, diện tích 90m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 70,8m^2), mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp P (nay là ấp P), xã P, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 455364 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2015 cho bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn P đứng tên và yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 là người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn P phải có trách nhiệm trả cho ông Hồ Kiếm T số tiền gốc và lãi là 61.425.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thi hành án từ ngày 21/03/2021 đến nay trong khối di sản do ông P để lại.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Ngày 02/3/2021, ông Hồ Kiếm T có đơn yêu cầu thi hành án đối với bản án số 09/2021/DSST, ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,

tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 03/3/2021, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 292/QĐ-CCTHADS ngày 03/3/2021, "Quyết định cho thi hành án đối với ông Nguyễn Văn P (C), địa chỉ số A, Khu C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là số A, ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ); các khoản phải thi hành: Buộc ông Nguyễn Văn P phải trả cho ông Hồ Kiếm T số tiền gốc vay 51.000.000 đồng và tiền lãi là 11.345.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi 920.000 đồng ông P đã đóng cho ông T. Tổng cộng tiền gốc vay và lãi là 61.425.000 đồng (sáu mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Hồ Kiếm T có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Nguyễn Văn P còn phải trả lãi cho ông Hồ Kiếm T mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền thời gian chậm thi hành án. Người phải thi hành án có trách nhiệm tự nguyện thi hành án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ Quyết định này và ông P đã được giao nhận hợp lệ theo quy định của pháp luật vào ngày 05/3/2021. Hết thời hạn 10 ngày nêu trên, ông P không tự nguyện thi hành án theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 292/QĐ-CCTHADS nêu trên. Đến ngày 30/10/2024, ông Nguyễn Văn P chết.

[6] Vào ngày 02/5/2025, ông Hồ Kiếm T có đơn yêu cầu kê biên phát mãi tài sản của ông P để đảm bảo thi hành án. Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Chấp hành viên) xác định Quyền sử dụng đất thửa đất số: 506, tờ bản đồ số 12, diện tích 90m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 455364 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2015 cho bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn P đứng tên.

[7] Chấp hành viên ban hành Thông báo số 352/TB-THADS ngày 05/5/2025, về việc thực hiện chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án và xác định được hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn P gồm có: Bà Trần Thị S (vợ ông P) và chị Nguyễn Thị Thanh T1 (con ông P). Chấp hành viên thông báo cho bà S, chị T1 biết về việc thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ thi hành án của ông Nguyễn Văn P để lại trong thời hạn 30 ngày và có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản thừa kế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ và đã tống đạt hợp lệ cho bà S, chị T1 vào ngày 06/5/2025. Tuy nhiên hết thời hạn trên, bà S, chị T1 không tự phân chia di sản thừa kế của ông P và cũng không khởi kiện ra Tòa án để phân chia di sản thừa kế của ông P.

[8] Đến ngày 03/9/2025, Chấp hành viên ban hành Thông báo số 74/TB-THAKV6, về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án và đã thông báo hợp lệ cho ông Hồ Kiếm T và cho cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn P là bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1,

trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này mà ông T, bà S, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật và đã tống đạt hợp lệ cho ông T, bà S và chị T1 vào ngày 05/9/2025. Đến ngày 27/10/2025, ông Hồ Kiếm T làm đơn khởi kiện và đến ngày 31/10/2025 Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ thụ lý đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của ông Hồ Kiếm T.

[9] Căn cứ theo khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định về xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án: *"Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án".*

[10] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bản sao y Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 455364 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2015 cho bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1952 và ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1945 cùng địa chỉ ấp P, xã P, tỉnh Sóc Trăng đối với quyền sử dụng thửa đất số 506, tờ bản đồ số 12, diện tích 90,0m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất ấp P, xã P, tỉnh Sóc Trăng, thửa đất có 24,5m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình đường lộ đal. Ngày 12/01/2026, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do tổ chức đo đạc là Công ty trách nhiệm hữu hạn D lập ngày 12/01/2026, xác định thửa đất số 506, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại ấp P (nay là ấp P), xã P, thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là thửa đất số 506) có sự chứng kiến của bà Trần Thị S xác định vị trí, diện tích của thửa đất số 506 có kết quả đo đạc thực tế là 70,8m^2 và bà S đã xây dựng nhà ở trên toàn bộ diện tích thửa đất trên (chưa được chứng nhận quyền sử hữu nhà ở). Như vậy, Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 506 có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 70,8m^2.

[11] Ông Nguyễn Văn P là người phải có nghĩa vụ thi hành án đối với bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DSST, ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 292/QĐ-CCTHADS ngày 03/3/2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, "Quyết định cho thi hành án đối với ông Nguyễn

Văn P (C), địa chỉ số A, Khu C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là số A, ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ); các khoản phải thi hành: Buộc ông Nguyễn Văn P phải trả cho ông Hồ Kiếm T số tiền gốc vay 51.000.000 đồng và tiền lãi là 11.345.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi 920.000 đồng ông P đã đóng cho ông T. Tổng cộng tiền gốc vay và lãi là 61.425.000 đồng. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Hồ Kiếm T có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Nguyễn Văn P còn phải trả lãi cho ông Hồ Kiếm T mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền thời gian chậm thi hành án. Người phải thi hành án có trách nhiệm tự nguyện thi hành án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ Quyết định này và ông P đã được giao nhận hợp lệ theo quy định của pháp luật vào ngày 05/3/2021. Hết thời hạn 10 ngày nêu trên, ông P không tự nguyện thi hành án theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 292/QĐ-CCTHADS nêu trên.

[12] Đến ngày 30/10/2024, ông Nguyễn Văn P chết, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã xác minh được, ông Nguyễn Văn P có đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 506, tờ bản đồ số 12, diện tích 90,0m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất ấp P, xã P, tỉnh Sóc Trăng, thửa đất có 24,5m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình đường lộ đal theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 455364 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/12/2015 cho bà Trần Thị S, sinh năm 1952 và ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1945 cùng địa chỉ ấp P, xã P, tỉnh Sóc Trăng, theo kết quả đo đạc thực tế là 70,8m^2 (như đã nhận định tại đoạn [10]).

[13] Tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"1) Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng. 2) Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. 3) Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung"* và theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản chung thì *"Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng phải ghi tên cả hai vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác"* và theo Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"1) Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia. 2) Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt chung"* và theo Điều 219

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"1) Trường hợp sở hữu chung có thể phân chia thì mỗi chủ sở hữu chung đều có quyền yêu cầu chia tài sản chung; nếu tình trạng sở hữu chung phải được duy trì trong một thời hạn theo thỏa thuận của các chủ sở hữu chung hoặc theo quy định của luật thì mỗi chủ sở hữu chung chỉ có quyền yêu cầu chia tài sản chung khi hết thời hạn đó; khi tài sản chung không thể chia được bằng hiện vật thì chủ sở hữu chung có yêu cầu chia có quyền bán phần quyền sở hữu của mình, trừ trường hợp các chủ sở hữu chung có thỏa thuận khác. 2) Trường hợp có người yêu cầu một người trong số các chủ sở hữu chung thực hiện nghĩa vụ thanh toán và chủ sở hữu chung đó không có tài sản riêng hoặc tài sản riêng không đủ để thanh toán thì người yêu cầu có quyền yêu cầu chia tài sản chung và tham gia vào việc chia tài sản chung, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nếu không thể chia phần quyền sở hữu bằng hiện vật hoặc việc chia này bị các chủ sở hữu chung còn lại phản đối thì người có quyền có quyền yêu cầu người có nghĩa vụ bán phần quyền sở hữu của mình để thực hiện nghĩa vụ thanh toán"*.

[14] Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số số 506, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ấp Phú Thành B, xã P, tỉnh Sóc Trăng nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn P vào ngày 24/12/2015 nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng đất trên thuộc tài sản chung của vợ chồng ông P và bà S. Do ông P là người phải có nghĩa vụ phải thi hành án dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thi hành án, ông P chưa thực hiện xong nghĩa vụ thì ông P chết. Sau khi ông P chết, Chấp hành viên thông báo cho bà S, chị T1 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P được quyền thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ do ông P để lại, trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện ra Tòa án để thực hiện việc phân chia di sản thừa kế do ông P để lại trong thời hạn 30 ngày. Hết thời hạn 30 ngày trên, bà S và chị T1 không tự thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ do ông P để lại, không thực hiện quyền khởi kiện ra Tòa án để thực hiện việc phân chia di sản thừa kế do ông P để lại và Chấp hành viên thông báo cho ông Hồ Kiếm T có quyền khởi kiện ra Tòa án để thực hiện việc phân chia tài sản chung của ông P, bà S.

[15] Căn cứ vào khoản 2 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định về chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án: *"Trường hợp người được thi hành án, người phải thi hành án là cá nhân chết thì quyền, nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao cho người khác theo quy định của pháp luật về thừa kế"*. Ông Nguyễn Văn P chết vào ngày 30/10/2024, không có để lại di chúc nên thuộc trường hợp thừa kế theo pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự và bà Trần Thị S cùng chị Nguyễn Thị Thanh T1 là những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn P quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Do đó, người được thi hành án là ông Hồ Kiếm T có đơn yêu cầu phân chia tài sản chung của ông P, bà S và yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P là bà S và chị T1 phải có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ do ông P để lại là đúng quy định của pháp luật.

[16] Từ những nhận định tại các đoạn [12], [13], [14], [15] nêu trên, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định ông P có 50% (½) quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 506 nêu trên, ông P đã chết, không để lại di chúc, bà S và chị T1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P và bà S, chị T1 cũng không có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của ông P để lại. Kết quả thẩm định giá thửa đất số 506 có giá trị 329.941.000 đồng. Như vậy, phần tài sản của ông P là ½ giá trị trong khối tài sản chung với bà S đối với thửa đất số 506, có giá trị là 164.970.500 đồng, giá trị khối tài sản do ông P để lại vượt quá phần nghĩa vụ do ông P phải thi hành án cho ông T. Quyền sử dụng đất trên có tài sản là căn nhà kiên cố gắn liền trên đất do bà S và chị T1 là người đang trực tiếp ở, đây là khối tài sản chung hợp nhất và khối tài sản là quyền sử dụng đất trên không thể phân chia bằng hiện vật được. Do đó, bà S và chị T1 là người thừa kế theo pháp luật của ông P, được nhận phần di sản do ông P để lại nên phải có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ do ông P đã chết để lại.

[17] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Kiếm T.

[18] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự bị đơn bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải có nghĩa vụ chịu 16.200.000 đồng (mỗi người phải chịu 8.100.000 đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản để hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Hồ Kiếm T vì nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước.

[20] Về án phí sơ thẩm:

[20.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (bà Trần Thị S phải chịu 150.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 150.000 đồng).

[20.2] Nguyên đơn ông Hồ Kiếm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 12 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 191; Điều 195; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 54; khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 33, khoản 1 Điều 34 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1, 2 Điều 213; Điều 219; điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Kiếm T về yêu cầu xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án đối với các bị đơn bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Thanh T1.

2. Tuyên xử: Xác định, phân chia ½ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 506, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ (ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ) được Ủy ban nhân huyện C, tỉnh Sóc Trăng (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 455364, số vào sổ cấp GCN CH03250 ngày 24/12/2015 cho ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị S là khối di sản do ông Nguyễn Văn P để lại. Bà S và chị T1 là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P được nhận khối di sản thừa kế do ông P để lại và có trách nhiệm thi hành án đối với phần nghĩa vụ thi hành án mà ông P có nghĩa vụ thi hành án theo bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (cũ) và Quyết định thi hành án số 292/QĐ-CCTHADS ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ), bà S và chị T1 chỉ có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ trên trong phần giá trị khối di sản do ông Nguyễn Văn P để lại.

3. Về chi phí tố tụng: Các bị đơn bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải có nghĩa vụ chịu 16.200.000 đồng (mỗi người phải chịu 8.100.000 đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản để hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Hồ Kiếm T vì nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước.

4. Về án phí:

4.1. Các bị đơn bà Trần Thị S và chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (bà Trần Thị S phải chịu 150.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 150.000 đồng).

4.2. Nguyên đơn ông Hồ Kiếm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn